

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2026.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương- Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm 1972

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969

Cùng nơi thường trú: Thôn P, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt bà G, vắng mặt ông N không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa). Tuy nhiên giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng tôi bị mất nên ngày 10/3/2023 chúng tôi mới lên UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) để đăng ký kết hôn lại.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mặt khác, ông N không quan tâm đến vợ con. Tôi đi làm kiếm tiền về ông N quản lý, không cho tôi sử dụng. Tôi khuyên bảo nhiều lần, ông N không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ năm 2018, mặc dù vợ chồng chung sống trong một nhà nhưng không ai quan tâm

đến ai. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông N.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 3 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T1, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2026 của ông Nguyễn Văn N trình bày:

Tôi và bà Lê Thị G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ; Tuy nhiên giấy chứng nhận kết hôn bị mất nên ngày 10/3/2023 chúng tôi đến UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) để đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, tôi không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Tôi và bà G đã sống ly thân mấy năm nay, bà G sống với gia đình con gái. Nay bà G làm đơn xin ly hôn tôi tại Tòa án, tôi không đồng ý vì chúng tôi đã có tuổi, con cái đã lớn, tôi xác định tôi vẫn còn tình cảm với bà G. Trường hợp bà G cương quyết ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 3 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T1, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã lớn và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Bà Lê Thị G và ông Nguyễn Văn N kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn P, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa thuộc địa bàn địa phương quản lý.

Quá trình chung sống ông bà có mâu thuẫn; tuy nhiên địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào. Nay bà G làm đơn xin ly hôn ông N tại Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; tuy nhiên ông N cố tình vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn bà Lê Thị G đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần; tuy nhiên ông N vẫn vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G. Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T1, sinh năm 2003. Các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản và công nợ: Ông N, bà G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Bà Lê Thị G và ông Nguyễn Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đ, tỉnh Thanh Hóa. Bà G xin ly hôn ông N tại Tòa án. Đây là quan hệ về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành khu vực 1 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; tuy nhiên ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị G và ông Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới năm 1992 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) ngày 10/3/2023 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà G là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mặt khác ông N không có trách nhiệm và quan tâm đến vợ con. Bà G đi làm kiếm tiền về, ông N quản lý, không cho bà chi tiêu. Bà khuyên bảo nhiều lần, ông N không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ năm 2018, mặc dù vợ chồng sống chung trong một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay bà G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác ông bà đã không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau một thời gian dài từ năm 2018 đến nay. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị G.

[3]*Về con chung:* Ông bà có 3 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T1, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[4]*Về tài sản và công nợ:* Bà G, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí:* Bà G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS.

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Gái

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị G được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 3 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1993, Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, Nguyễn Văn T1, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ*: Bà G, ông N không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001413 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Bà G đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm,

Bà Lê Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND khu vực 1 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Ho ;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND P.Đ,
tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu Hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý